

## GRADE 1 – WORKSHEET 18B

Name:

Class:

Score: .... / 15


① Look and choose the correct answer. (Nhìn tranh và chọn từ đúng)

0. This is a  desk / **duck**.

1. I have a  bag / book .

2. This is my  ball / bike .

3. I like  milk / chicken .

4. I have a  red / blue bell.

5. It's a  hat / cup .

6. This is a  can / pencil .

7. This is my  door / bike .

② Find the words. (Tìm các từ sau. Click vào từng chữ cái của từ)

*cup**chips**bell**hat**duck*

R	E	D	T	Y	U
A	C	H	I	P	S
D	U	C	K	J	N
C	P	F	R	O	H
Y	Q	V	N	Z	A
T	B	E	L	L	T

③ Fill in the blanks. (Điền từ vào chỗ trống)

*like**This**is**car**a*

0. **This** is my bag.
1. I have a \_\_\_\_\_.
2. This \_\_\_\_\_ a desk.
3. I \_\_\_\_\_ chicken.
4. I have \_\_\_\_\_ cup.